TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: *11/2017/KDTM - ST*
Ngày: *05 - 6 - 2017*
V/v tranh chấp *Hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Thanh Bình
2. Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện NL, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04 /2016/TLST- KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017 /QĐXX - ST ngày 18 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A ; địa chỉ: số M, đường N, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Minh Châu Quân, địa chỉ: Số A, đường Q, phường T, tp V, tinh Ngệ An. (Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 03 năm17). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H; địa chỉ: xóm 1, xã Nghi Thạch, Huyện NL, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Hồ Minh H1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khối M, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Giám đốc công ty). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hồ Minh H1, sinh năm 1972; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khối M, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Ngọc H2, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khối M, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Ông Trần Đại X, sinh năm 1966; nơi cư trú: xóm K, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1961; nơi cư trú: xóm K, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) trình bày:

Ngày 05/12/2013 Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (sau đây gọi tắt là Công ty H) đã ký kết hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số NGA.DN.312.031213 với Ngân hàng A - Chi nhánh Nghệ An vay Số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng (từ 05/12/2013 đến ngày 05/12/2016); Mục đích vay nợ để bù đắp một phần vốn lưu động thường xuyên trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty; Lãi suất vay được quy định: Lãi suất trong hạn là 12,8%/năm, lãi suất cố định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền lần đầu, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức lãi suất vay bằng lãi suất 13+5,0%+X, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 28/6/2013, Công ty H ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số NGA.DN.02280613 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số NGA.DN.312.031213 và phụ lục hợp đồng tín dụng số NGA.DN 310.031213/PL1 ngày 06/01/2014 với Ngân hàng A (chi nhánh Nghệ An) số tiền vay là 3.600.000.000 đồng, số tiền thực tế giải ngân là 3.498.000.000 đồng. Thời hạn vay được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ tối đa không quá 6 tháng, phương thức là vay hạn mức, mục đích vay vốn nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh hàng vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, lãi suất vay dược cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất thay đổi theo công thức: LS13 + 4.1% + X, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn và được giải ngân bằng 22 khế ước nhận nợ cụ thể:

- Khế ước nhận nợ số 12 ngày 26/8/2013. Số tiền vay: 60.000.000 đồng,thời hạn vay: 06 tháng (từ 26/8/2013 đến 26/02/2014), lãi suất trong hạn là 12.3%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 13 ngày 26/8/2013. Số tiền vay: 100.000.000 đồng thời hạn vay: 06 tháng (từ 26/8/2013 đến 26/02/2014), lãi suất trong hạn là 12.3 %/năm.

- Khế ước nhận nợ số 14 ngày 28/8/2013. Số tiền vay: 150.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 28/8/2013 đến 28/02/2014), lãi suất trong hạn là 11.5 %/năm.

- Khế ước nhận nợ số 15 ngày 29/8/2013. Số tiền vay: 105.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 29/8/2013 đến 28/02/2014), lãi suất trong hạn là 11.5 %/năm.

- Khế ước nhận nợ số 16 ngày 31/8/2013. Số tiền vay: 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 31/8/2013 đến 28/02/2014), lãi suất trong hạn là 11.5 %/năm.

- Khế ước nhận nợ số 17 ngày 12/9/2013. Số tiền vay: 432.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 12/9/2013 đến 12/3/2014), lãi suất trong hạn là 11.5 %/năm.

- Khế ước nhận nợ số 18 ngày 18/9/2013. Số tiền vay: 310.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 18/9/2013 đến 18/3/2014), lãi suất trong hạn là 11.5 %/năm.

- Khế ước nhận nợ số 19 ngày 18/9/2013. Số tiền vay: 350.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 18/9/2013 đến 18/3/2014), lãi suất trong hạn là 11.5 %/năm.

- Khế ước nhận nợ số 20 ngày 25/9/2013. Số tiền vay: 390.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 25/9/2013 đến 25/3/2014), lãi suất trong hạn là 11.5 %/năm.

- Khế ước nhận nợ số 21 ngày 25/9/2013. Số tiền vay: 290.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 25/9/2013 đến 25/3/2014), lãi suất trong hạn là 11.5 %/năm.

- Khế ước nhận nợ số 22 ngày 03/10/2013. Số tiền vay: 210.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 03/10/2013 đến 03/4/2014), lãi suất trong hạn là 10.8 %/năm.

- Khế ước nhận nợ số 23 ngày 22/11/2013. Số tiền vay: 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 22/11/2013 đến 22/5/2014), lãi suất trong hạn là 11.0 %/năm.

- Khế ước nhận nợ số 24 ngày 22/11/2013. Số tiền vay: 160.000.000 đồng, thời hạn vay: 6 tháng (từ 22/11/2013 đến 22/5/2014), lãi suất trong hạn là 11.0%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 25 ngày 03/12/2013. Số tiền vay: 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 03/12/2013 đến 03/6/2014), lãi suất trong hạn là 11.0%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 26 ngày 05/12/2013. Số tiền vay: 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 05/12/2013 đến 05/6/2014), lãi suất trong hạn là 11.0%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 27 ngày 10/12/2013. Số tiền vay: 150.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 10/12/2013 đến 10/6/2014), lãi suất trong hạn là 11.0%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 28 ngày 17/12/2013. Số tiền vay: 50.000.000 đồng,thời hạn vay: 06 tháng (từ 17/12/2013 đến 17/6/2014), lãi suất trong hạn là 11.0%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 29 ngày 18/12/2013. Số tiền vay: 70.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 18/12/2013 đến 18/6/2014), lãi suất trong hạn là 11.0%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 30 ngày 02/01/2014. Số tiền vay: 210.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 02/01/2014 đến 02/7/2014), lãi suất trong hạn là 11.0%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 31 ngày 02/01/2014. Số tiền vay: 150.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 02/01/2014 đến 02/7/2014), lãi suất trong hạn là 11.0%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 32 ngày 27/01/2014. Số tiền vay: 40.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng (từ 27/01/2014 đến 27/7/2014), lãi suất trong hạn là 12.3%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 33 ngày 17/02/2014. Số tiền vay: 21.000.000đồng, thời hạn vay: 60 tháng (từ 17/02/2014 đến 17/8/2014), lãi suất trong hạn là 12.3%/năm.

Các hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất gồm:

1. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 03 tại xóm M, xã N, Huyện NL, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2162011 ngày 18/7/2011 được UBND xã Nghi Phong, Huyện NL, tỉnh Nghệ An chứng nhận.

2. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 tại xóm X, xã NT, Huyện NL, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2902011 ngày 29/8/2011 được UBND xã Nghi Thạch, Huyện NL, tỉnh Nghệ An chứng nhận.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 5 tại xóm K, xã N, Huyện NL (nay là thành phố Vinh), tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng/ sở hữu của ông Trần Đại X và bà Nguyễn Thị K theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2912011 ngày 29/8/2011, và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số ACB.2912011/SĐBS-01 ngày 05/12/2013 được Phòng công chứng số 1 tỉnh Nghệ An chứng nhận.

Ngày 28/6/2013 ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 thiết lập chứng thư bảo lãnh để liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay tại hai hợp đồng tín dụng nói trên.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, Công ty H đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền nợ lãi đối với các hợp đồng tín như sau:

+ Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số NGA.DN.312.031213. Ngày 17/01/2014 Công ty H đã trả 4.167.000 đồng tiền nợ gốc; tiền lãi đã trả tổng là: 2.186.667 đồng, từ ngày 18/01/2014 đến nay Công ty H không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng A đối với hợp đồng tín dụng này.

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số NGA.DN.02280613 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số NGA.DN.312.031213. Ngày 18/2/2014 đã trả nợ gốc: 50.000.000 đồng (của khế ước nhận nợ số 12), tiền lãi đã trả tổng là: 105.750.058 đồng, từ ngày 19/2/2014 đến nay Công ty H không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng A đối với hợp đồng tín dụng này.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/6/2017) Công ty H còn nợ Ngân hàng A cụ thể là:

- Đối với hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số NGA.DN.312.031213 tổng số tiền nợ là 224.887.445 đồng trong đó nợ gốc là 145.833.000 đồng, lãi trong hạn là 52.781.545 đồng, lãi quá hạn là 26.272.900 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số NGA.DN.02280613 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số NGA.DN.312.031213 và phụ lục hợp đồng tín dụng số NGA.DN.310.031213/PL1 ngày 06/01/2014 tổng số tiền nợ là 5.584.926.684 đồng trong đó nợ gốc là 3.448.000.000đồng, lãi trong hạn là 103.093.358 đồng, lãi quá hạn là 2.033.833.326 đồng.

Tổng cả hai hợp đồng tín dụng mà Công ty H còn nợ Ngân hàng A tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/6/2017) là: 5.809.814.129 đồng.

Ngân hàng A yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện NL, tỉnh Nghệ An buộc Công ty H trả số nợ cả hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/6/2017 là: 5.809.814.129 đồng cho Ngân hàng A . Nếu Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 03 tại Xóm M, xã N, Huyện NL, tỉnh Nghệ An.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 tại Xóm X, xã NT, Huyện NL, tỉnh Nghệ.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 5 tại Xóm K, xã N, Huyện NL (nay là thành phố V), tỉnh Nghệ An.

Đồng thời, buộc ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 28/6/2013.

Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trong các lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đại X trình bày: Ngày 29/8/2011 ông và bà K đã thế chấp cho Ngân hàng A (chi nhánh Nghệ An) đất và tài sản gắn liền trên đất, tại thửa đất số 4, tờ bản đồ 05, diện tích thế chấp 1.250 m^2 để Công ty H do con rể ông là ông Hồ Minh H1 - giám đốc Công ty H vay tiền tại Ngân hàng A . Đến nay, Ngân hàng A yêu cầu công ty H trả nợ, ông đề nghị phía Ngân hàng giảm, miễn một phần lãi suất cho Công ty H. Đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và nhà ở của gia đình ông, bà thì bản thân ông xin thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh bằng việc sẽ thực hiện hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty H từng phần, từng tháng cho Ngân hàng A đối với nghĩa vụ tài sản của vợ chồng ông, bà theo trị giá đó được thẩm định của Ngân hàng A .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đều thể hiện bà K thống nhất nội dung khai và đề xuất ý kiến như ý kiến của ông Trần Đại X.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Người đại diện hợp pháp của công ty H là ông Hồ Minh H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Minh H1, bà Trần Thị Ngọc H2 vắng mặt.

Tòa án nhân dân Huyện NL, tỉnh Nghệ An đã xác minh hồ sơ pháp lý của công ty H tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An thì thấy địa chỉ trụ sở Công ty H là xóm M, xã N, Huyện NL, tỉnh Nghệ An; Người đại diện theo pháp luật của công ty H là ông Hồ Minh H1 – chức vụ: Giám đốc. Trong quá trình giải quyết vụ án, cán bộ Tòa án nhân dân Huyện NL không thể tiến hành được việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho công ty H, ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2, vì lý do Công ty H đóng cửa trụ sở; ông H1, bà Hà không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi đăng ký tạm trú. Tòa án đã tiến hành việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp. Kết quả phản ánh các tài sản thế chấp là có thật, hiện trạng thể hiện đúng như trong các hợp đồng thế chấp.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Thẩm phán đã xác định tư cách pháp lý của các đương sự; thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải; cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự; thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thư ký tòa án thực hiện ghi biên bản lấy lời khai, biên bản thẩm định tại chỗ, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa, thực hiện nội dung, phương thức, thứ tự tranh tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Công ty H trả số nợ cả hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/6/2017) là: 5.809.814.129 đồng cho Ngân hàng A . Nếu Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 03 tại xóm M, xã N, Huyện NL, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2162011 ngày 18/7/2011 được UBND xã Nghi Phong, Huyện NL, tỉnh Nghệ An chứng nhận.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 tại xóm X, xã NT, Huyện NL, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2902011 ngày 29/8/2011 được UBND xã Nghi Thạch, Huyện NL, tỉnh Nghệ An chứng nhận.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 5 tại xóm K, xã N, Huyện NL (nay là thành phố Vinh), tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng/ sở hữu của ông Trần Đại X và bà Nguyễn Thị K theo Hợp đồng thế chấp

số ACB.2912011 ngày 29/8/2011, và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số ACB.2912011/SĐBS-01 ngày 05/12/2013 được Phòng công chứng số 1 tỉnh Nghệ An chứng nhận.

Đồng thời, buộc ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 28/6/2013.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về hợp đồng tín dụng hạn mức số NGA.DN.02280613 và hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số NGA.DN.312.031213 và phụ lục hợp đồng tín dụng số NGA.DN.310.031213/PL1 ngày 06/01/2014. Bị đơn có địa chỉ tại xóm 1, xã Nghi Thạch, Huyện NL, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Huyện NL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ngày 30/8/201 Sở kế hoạch đầu thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần Ngân hàng Thương mại cổ phần A nên theo quy định tại khoản 4 điều 197 Luật Doanh nghiệp, Ngân hàng Thương mại cổ phần A kiện ra Tòa án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi có trụ sở của bị đơn, nơi cư trú của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong các Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng tín dụng. Trên thực tế, công ty H đã không hoạt động tại địa chỉ trên nữa; ông Hồ Minh H1 vừa là người đại diện theo pháp luật của công ty, vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bà Trần Thị Ngọc H2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng cũng không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi đăng ký tạm trú. Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do bị đơn công ty H không thông báo việc thay đổi trụ sở, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H1, bà Hà thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong các hợp đồng và phụ lục hợp đồng tín dụng mà không thông báo cho Ngân hàng A biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của công ty H, ông H1 và bà Hà, bà Nguyễn Thị K vắng mặt. Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng đối với công ty H, ông H1 và bà Hà theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà K đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt công ty H, ông H1, bà Hà và bà K .

[2] Xét nội dung yêu cầu của Nguyên đơn:

- Yêu cầu trả nợi đối với hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số NGA.DN.312.031213 ngày 05/12/2013. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/06/2017) tổng số tiền nợ là 224.887.445 đồng trong đó nợ gốc là 145.833.000 đồng, lãi trong hạn là 52.781.545 đồng, lãi quá hạn là 26.272.900 đồng.

- Yêu cầu trả nợ đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số NGA.DN.02280613 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số NGA.DN.312.031213 và phụ lục hợp đồng tín dụng số NGA.DN.310.031213/PL1 ngày 06/01/2014. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/06/2017), tổng số tiền nợ là 5.584.926.684 đồng trong đó nợ gốc là 3.448.000.000 đồng, lãi trong hạn là 103.093.358 đồng, lãi quá hạn là 2.033.833.326 đồng cụ thể từng khế ước nhận nợ là:

+ Đối với khế ước nhận nợ số 12 ngày 26/8/2013. Nợ gốc 60.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 730.223 đồng, lãi quá hạn là 6.173.996 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 13 ngày 26/8/2013. Nợ gốc 100.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 1.446.667 đồng, lãi quá hạn là 61.741.667 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 14 ngày 28/8/2013. Nợ gốc 150.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 2.273.333 đồng, lãi quá hạn là 92.457.500 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 15 ngày 29/8/2013. Nợ gốc 105.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 1.591.333 đồng, lãi quá hạn là 64.720.250 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 16 ngày 31/8/2013. Nợ gốc 50.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 757.778 đồng, lãi quá hạn là 30.819.167 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 17 ngày 12/9/2013.Số tiền vay: 432.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 8.332.800 đồng, lãi quá hạn là 263.599.200 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 18 ngày 18/9/2013. Nợ gốc 310.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 6.620.222 đồng, lãi quá hạn là 188.195.833 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 19 ngày 18/9/2013. Nợ gốc 350.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 7.474.444 đồng, lãi quá hạn là 212.479.167 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 20 ngày 25/9/2013. Nợ gốc 390.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 9.269.000 đồng, lãi quá hạn là 235.352.000 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 21 ngày 25/9/2013. Nợ gốc 290.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 6.892.333 đồng, lãi quá hạn là 175.050.333 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 22 ngày 03/10/2013. Nợ gốc 210.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 5.642.000 đồng, lãi quá hạn là 125.751.500 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 23 ngày 22/11/2013. Nợ gốc 50.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 2.100.973 đồng, lãi quá hạn là 28.443.750 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 24 ngày 22/11/2013. Nợ gốc 160.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 6.723.111 đồng, lãi quá hạn là 91.020.000 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 25 ngày 03/12/2013. Nợ gốc 100.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 4.579.444 đồng, lãi quá hạn là 56.272.500 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 26 ngày 05/12/2013. Nợ gốc 50.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 2.320.278 đồng, lãi quá hạn là 28.085.000 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 27 ngày 10/12/2013. Nợ gốc 150.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 7.190.000 đồng, lãi quá hạn là 83.870.625 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 28 ngày 17/12/2013. Nợ gốc 50.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 2.478.055 đồng, lãi quá hạn là 26.422.500 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 29 ngày 18/12/2013. Nợ gốc 70.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 3.490.667 đồng, lãi quá hạn là 38.220.875 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 30 ngày 02/01/2014. Nợ gốc 210.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 11.363.916 đồng, lãi quá hạn là 113.180.375 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 31 ngày 02/01/2014. Nợ gốc 150.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 8.117.084 đồng, lãi quá hạn là 80.843.125 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 32 ngày 27/01/2014. Nợ gốc 40.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 2.483.222 đồng, lãi quá hạn là 20.706.000 đồng.

+ Đối với khế ước nhận nợ số 33 ngày 17/02/2014. Nợ gốc 21.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 1.266.475 đồng, lãi quá hạn là 10.472.963 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ cho cả hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/6/2017 là: 5.809.814.129 (Năm tỷ tám trăm lẻ chín triệu tám trăm mười bốn ngàn một tram hai mươi chín đồng). Trong đó nợ gốc là 3.593.833.000 đồng, nợ lãi là 2.215.981.129 đồng.

Xét yêu cầu này của Nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng phù hợp với các thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất trong hạn, điều chỉnh lãi suất theo biên độ, lãi suất quá hạn; đồng thời phù hợp với các quy định của pháp luật trong hoạt động tín dụng ngân hàng, phù hợp với bảng kê chi tiết được hạch toán trong hệ thống Ngân hàng A . Phù hợp với các quy định tại Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005. Phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy cần chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đối với các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số NGA.DN.312.031213 ngày 05/12/2013. Tổng số tiền nợ phải trả là 224.887.445 đồng trong đó nợ gốc là 145.833.000 đồng, lãi trong hạn là 52.781.545 đồng, lãi quá hạn là 26.272.900 đồng .

Hợp đồng tín dụng hạn mức số NGA.DN.02280613 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số NGA.DN.312.031213 và phụ lục hợp đồng tín dụng số NGA.DN.310.031213/PL1 ngày 06/01/2014. Số tiền nợ phải trả là 5.584.926.684 đồng trong đó nợ gốc là 3.448.000.000 đồng, lãi trong hạn là 103.093.358 đồng, lãi quá hạn là 2.033.833.326 đồng.

Như vậy tổng số tiền Công ty H phải trả nợ cho Ngân hàng A cho cả hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/6/2017) là: 5.809.814.129 (

Năm tỷ tám trăm lẻ chín triệu tám trăm mười bốn ngàn một tram hai mươi chín đồng). Trong đó nợ gốc là 3.593.833.000 đồng, nợ lãi là 2.215.981.129 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, công ty H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của các hợp đồng tín dụng trong trường hợp Công ty H không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty H bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 03 tại xóm M, xã N, Huyện NL, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2162011 ngày 18/7/2011 được UBND xã Nghi Phong, Huyện NL, tỉnh Nghệ An chứng nhận.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 tại xóm X, xã NT, Huyện NL, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2902011 ngày 29/8/2011 được UBND xã Nghi Thạch, Huyện NL, tỉnh Nghệ An chứng nhận.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 5 tại xóm K, xã N, Huyện NL (nay là thành phố Vinh), tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng/ sở hữu của ông Trần Đại X và bà Nguyễn Thị K theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2912011 ngày 29/8/2011, và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số ACB.2912011/SĐBS-01 ngày 05/12/2013 được Phòng công chứng số 1 tỉnh Nghệ An chứng nhận.

Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp thì thấy: tài sản thế chấp là có thật, hiện trạng thể hiện đúng như hợp đồng thế chấp, việc thế chấp các tài sản trên bảo đảm đúng trình tự pháp luật, đúng chủ có tài sản, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng A và công ty H được ký kết theo đúng quy định tại Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720, và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005); Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm nên là Hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do vậy trong trường hợp Công ty H không có khả năng trả nợ hoặc trả nợ không đủ số tiền vay của cả hai hợp đồng tín dụng thì cần xử lý các tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A , gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 03 tại xóm M, xã N, Huyện NL, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2162011 ngày 18/7/2011 được UBND xã Nghi Phong, Huyện NL, tỉnh Nghệ An chứng nhận.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 tại xóm X, xã NT, Huyện NL, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2902011 ngày 29/8/2011 được UBND xã Nghi Thạch, Huyện NL, tỉnh Nghệ An chứng nhận.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 5 tại xóm K, xã N, Huyện NL (nay là thành phố Vinh), tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng/ sở hữu của ông Trần Đại X và bà Nguyễn Thị K theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2912011 ngày 29/8/2011, và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số ACB.2912011/SĐBS-01 ngày 05/12/2013 được Phòng công chứng số 1 tỉnh Nghệ An chứng nhận.

Sau khi Công ty H phải trả nợ xong số tiền vay của các hợp đồng tín dụng gồm hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số NGA.DN.312.031213 ngày 05/12/2011, hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số NGA.DN.312.031213 và phụ lục hợp đồng tín dụng số NGA.DN.310.031213/PL1 ngày 06/01/2014, Ngân hàng A – chi nhánh Nghệ An phải trả lại cho ông Trần Đại X và bà Nguyễn Thị K, ông Hồ Minh H1, bà Trần Thị Ngọc H2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét yêu của nguyên đơn buộc ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo chứng thư bảo lãnh ký ngày 28/6/2013. Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào chứng thư bảo lãnh ký ngày 28/6/2013 thì xác định ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 là bên bảo lãnh; Ngân hàng A – chi nhánh Nghệ An là bên nhận bảo lãnh và Công ty H là bên được bảo lãnh. Phạm vi bảo lãnh trên số vốn vay hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số NGA.DN.312.031213 ngày 05/12/2011, hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số NGA.DN.312.031213 và phụ lục hợp đồng tín dụng số NGA.DN.310.031213/PL1 ngày 06/01/2014 và lãi vay phát sinh trên số nợ gốc theo thời hạn của Hợp đồng tín dụng. Quan hệ bảo lãnh này phát sinh trên cơ sở pháp lý là quy định của Bộ luật dân sự; Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn ở ngân hàng thương mại của Thủ tướng chính phủ nên hoàn toàn hợp pháp. Do vậy, trong trường hợp Công ty H không có khả năng trả nợ hoặc trả nợ không đủ số tiền vay của cả hai hợp đồng tín dụng là 5.811.865.607 đồng thì cần buộc ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 28/6/2013.

Đối với ý kiến của ông Trần Đại X và bà Nguyễn Thị K yêu cầu Ngân hàng A giảm một phần tiền lãi suất cho Công ty H đồng thời ông X đề nghị Ngân hàng A cho vợ chồng ông được trả dần từng tháng cho đến khi trả hết số tiền vợ chồng ông đã bảo lãnh. Tuy nhiên ông X, bà K không đưa ra được kế hoạch trả nợ, Ngân hàng A không đồng ý với yêu cầu của ông X, bà K. Do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông X, bà K.

Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 40, Điều 277, Điều 278, Điều 471, 474 , Điều 476, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720, và Điều 721 Bộ luật dân sự 2005;

- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005.

- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

- Khoản 3 Điều 15; điểm e khoản 1 Điều 16; khoản 4 Điều 19 Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại Ngân hàng thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 của Thủ tướng chính phủ;

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

- Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A .

Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn H trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền 5.809.814.129 (Năm tỷ tám trăm lẻ chín triệu tám trăm mười bốn ngàn một tram hai mươi chín đồng).Trong đó nợ gốc là 3.593.833.000 đồng, nợ lãi là 2.215.981.129 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, công ty H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, gồm:

- Tài sản thứ nhất là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 03 tại xóm M, xã N, Huyện NL, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2162011 ngày 18/7/2011.

- Tài sản thứ hai là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 tại xóm X, xã NT, Huyện NL, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2902011.

- Tài sản thứ ba là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 5 tại xóm K, xã N, Huyện NL (nay là thành phố Vinh), tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng/ sở hữu của ông Trần Đại X và bà Nguyễn Thị K theo Hợp đồng thế chấp số ACB.2912011 ngày 29/8/2011, và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số ACB.2912011/SĐBS-01 ngày 05/12/2013.

Sau khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải trả nợ xong số tiền vay của các hợp đồng tín dụng gồm hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số NGA.DN.312.031213 ngày 05/12/2011, hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số NGA.DN.312.031213 và phụ lục hợp đồng tín dụng số NGA.DN.310.031213/PL1 ngày 06/01/2014. Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh Nghệ An phải trả lại cho ông Trần Đại X và bà Nguyễn Thị K, ông Hồ Minh H1, bà Trần Thị Ngọc H2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với các tài sản thế chấp.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Hồ Minh H1 và bà Trần Thị Ngọc H2 liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H đối với Ngân hàng thương mại cổ phần A theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 28/6/2013.

Về án phí:

- Công ty TNHH H phải chịu 113.809.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 28.132.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện NL theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004317 ngày 07/7/2016.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Huyện NL;
- Chi cục THADS Huyện NL;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Đức Thúy